

# **ĐÁNH GIÁ VIỆC SỬ DỤNG BẢNG TỪ VỰNG (GLOSSARY) NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ TỰ HỌC TỪ VỰNG TRONG MÔN TIẾNG ANH**

HOÀNG THỊ GIANG LAM - PHAN THỊ NGỌC BÍCH\*

Ngày nhận bài: 16/01/2017; ngày sửa chữa: 17/01/2017; ngày duyệt đăng: 15/02/2017.

**Abstract:** In this article, the authors report results of a survey on 90 non-English major students about the effectiveness of the use of glossary in improving quality of English self-learning. The results show that this is one of effective methods for learning English, however application in many students has not up to expectation. Therefore, the article proposes some suggestions to help students use glossary more efficiently.

**Keywords:** Glossary, self-learning, autonomy, vocabulary, non-English major.

## **1. Mở đầu**

Đối với sinh viên (SV) đại học, tự học (TH) là yêu cầu vô cùng quan trọng. Học ngoại ngữ càng không phải là một ngoại lệ. Để đạt được kết quả cao trong học tập cũng như đạt được mục đích của môn *Tiếng Anh*, SV cần phát huy cao độ tính tự giác học tập. Một trong những cách được các giảng viên (GV) và sử dụng nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả của việc TH cho SV học tiếng Anh chính là *bảng từ vựng* (BTV). Để hoàn thành một BTV, SV cần dành ra một lượng thời gian nhất định để tìm hiểu các nguồn tài liệu tham khảo cũng như xem trước bài học tiếp theo trước mỗi giờ lên lớp. Do vậy, các GV đánh giá đây là một cách làm này là hiệu quả và mang lại nhiều lợi ích cho SV. Để BTV phát huy được hết những điểm mạnh, người học cần thực hiện một cách nghiêm túc ngay từ đầu học kì và thông qua mỗi bài học. Bài viết cho thấy kết quả khảo sát những đánh giá của SV về việc sử dụng BTV nhằm nâng cao hiệu quả TH từ vựng môn *Tiếng Anh* của SV không chuyên tiếng Anh ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

## **2. Sử dụng BTV nhằm nâng cao ý thức TH của SV**

**2.1. Việc TH của SV đại học.** Khi bắt đầu vào đại học, SV cần làm quen với rất nhiều cách thức phương pháp học tập khác lạ hơn rất nhiều so với quá trình học tập tại trường trung học phổ thông. GV với cách giảng bài khác, SV không còn được thầy cô “cầm tay chỉ việc” như khi còn học phổ thông, mà chủ yếu được đưa ra định hướng. Vì vậy, việc TH, tự nghiên cứu của SV (learner autonomy), hơn bao giờ hết được đòi hỏi phải phát huy cao độ. Nói về vấn đề này, Holec (1981) đã định nghĩa: TH là khả năng tự chịu trách nhiệm về việc học của mình. Một số định nghĩa của các học giả khác, TH là sự nhận thức ngôn ngữ

(language awareness) (Lier, 1996); hay sự tự chỉ đạo (self-direction) (Candy, 1991). Hình thức TH đang ngày càng khẳng định được tầm quan trọng, bởi người học tự tạo ra động lực cho mình, học có phần xạ nên việc học có hiệu quả hơn (Mohany, 2010).

Để đạt được mục đích của việc học ngoại ngữ, từ vựng, đối với bất kì ngoại ngữ nào, cũng là vô cùng quan trọng, bởi theo Wilkins (1972), không có ngữ pháp, chúng ta vẫn có thể truyền đạt được chút ít thông điệp, nhưng nếu không có từ vựng, sẽ chẳng có thông tin nào được truyền đạt. Vì vậy, từ vựng đóng vai trò quyết định thành công trong giao tiếp, nó là cốt lõi hay trái tim của một ngôn ngữ (Lewis, 1993). Với mỗi SV thuộc các chuyên ngành khác nhau, các em cần tìm ra phương pháp phù hợp nhất cho bản thân để nâng cao hiệu quả cũng như chất lượng học tập. Bên cạnh đó, GV cũng đóng một vai trò nhất định trong việc định hướng và giúp SV có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của việc học từ vựng.

**2.2. BTV hỗ trợ SV trong quá trình TH.** Trong thực tiễn giảng dạy, chúng tôi đã áp dụng phương pháp nhằm nâng cao tinh thần TH, tự tìm hiểu bài học trước khi lên lớp của SV không chuyên tiếng Anh, yêu cầu SV chuẩn bị BTV (glossary) cho bài học sắp tới. Với mục đích cải thiện vốn từ vựng cho SV, cách làm này được các GV đánh giá là có hiệu quả cao.

Hoạt động này đã được tiến hành được 2 học phần đối với SV học tiếng Anh không chuyên, đến nay, các em đã học đến học phần 3. Giáo trình khoa đang sử dụng dạy cho SV là “*Life - Pre-intermediate*” trình độ A2-B1 với mục tiêu cung cấp cho SV kiến thức và kĩ năng để các em đạt được trình độ tương đương.

\* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BTV được làm như thế nào? Ngay từ đầu kì học, SV không chuyên trong các lớp Tiếng Anh đã được GV hướng dẫn cụ thể cách thức làm BTV. Trước giờ lên lớp, mỗi SV cần xem trước bài học của buổi tiếp theo, ghi ra toàn bộ những từ vựng mà các em cho là mới với mình, trình bày theo trình tự như sau:

Từ, cách đọc, từ loại (theo cách dùng xuất hiện trong bài)	Nghĩa tiếng Anh (chọn nghĩa xuất hiện trong bài)	Nghĩa tiếng Việt (chọn nghĩa xuất hiện trong bài)	Câu có xuất hiện từ (lấy từ sách hoặc từ điển)
--	--	---	--

Với BTV này, SV cần phải nghiên cứu trước bài ở nhà, sử dụng các nguồn tài liệu khác nhau như sách giáo trình, từ điển song ngữ, từ điển Anh - Anh, internet, sách tham khảo để đáp ứng được các yêu cầu đưa ra. GV sẽ kiểm tra BTV này mỗi tuần và thu lại vào cuối kì. Nếu học tập một cách nghiêm túc, SV sẽ tự rèn luyện được cho mình kĩ năng phát âm từ chuẩn nhờ cách phiên âm được cung cấp bởi từ điển. Hơn nữa, nhiều từ vựng có hơn một ý nghĩa khi dịch sang tiếng Việt, do đó SV cần nghiên cứu kĩ bài học mới có thể quyết định được một nghĩa được sử dụng trong bài. Ngoài ra, việc đưa ra nghĩa của từ bằng tiếng Anh cũng giúp cho SV mở rộng vốn từ cũng như biết cách sử dụng từ đồng nghĩa linh hoạt hơn. Việc tìm câu có sử dụng từ vựng đó khiến SV thêm hiểu về cách sử dụng từ vựng trong thực tế.

Mục đích của việc đưa BTV vào chương trình TH chính là giúp cho SV ý thức hơn về việc sử dụng thời gian TH của mình cũng như mở rộng vốn từ vựng, giúp các em tự tin hơn trong mỗi giờ học, hăng say hơn trong việc tìm hiểu bài đọc cũng như trao đổi với bạn bè, thầy cô. Cách làm này cũng giúp GV giảm bớt gánh nặng cũng như áp lực trong lớp học bởi trên lớp GV có thêm thời gian cho SV ôn tập từ vựng thay vì dành quá nhiều thời gian giải thích từ mới. Đồng thời, SV cũng tự tin hơn trong quá trình học nhờ lượng từ vựng được tích lũy mỗi tuần.

**2.3. Phương pháp nghiên cứu.** Với mục đích khảo sát đánh giá của SV về hiệu quả của việc sử dụng BTV, tác giả bài viết đã thiết kế một bảng câu hỏi điều tra SV, gồm 8 câu hỏi về các nội dung liên quan đến BTV. Với đặc trưng của khảo sát, tác giả đã lựa chọn phương pháp định tính và định lượng nhằm phân tích những đánh giá của SV về tính hiệu quả của BTV được sử dụng trong suốt 2 học phần vừa qua. Với phương pháp định lượng, chúng tôi tổng hợp các câu hỏi khảo sát, tính toán và cho thấy được tỉ lệ phần trăm SV chọn mỗi đáp án. Sau đó, phương pháp định tính được sử dụng nhằm phân tích thái độ học tập của SV đối với việc TH nói chung và đối với việc chuẩn bị BTV nói riêng.

Câu hỏi được phát cho 90 SV năm thứ 2 ở 4 lớp tiếng Anh không chuyên tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội vào tháng 12/2016. Các SV này đang học tiếng Anh học phần thứ 3 và đều đã được làm quen với BTV trong 2 học phần trước. Do đặc thù các lớp học tín chỉ, các SV này đến từ nhiều khoa thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau như Toán - Tin, Ngữ văn, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Địa lí, Hóa học, Vật lí. Phiếu câu hỏi được phát vào tuần thứ 14 của học phần khi chỉ còn một tuần nữa là các em kết thúc chương trình học của học phần và kết thúc chương trình học Tiếng Anh như một môn chung ở bậc đại học.

### 3. Kết quả khảo sát

**3.1. Thời gian bắt đầu làm BTV.** Đầu tiên là câu hỏi về thời gian SV đã được yêu cầu làm BTV trước khi đến lớp, 100% SV được khảo đã tiếp cận với cách học này được 2 học phần trước. Tương tự, 100% SV công nhận có được GV hướng dẫn cách làm BTV trước mỗi học kì. Khoảng thời gian và sự hướng dẫn của GV như vậy đủ để cho SV đánh giá được tính hiệu quả của hoạt động này một cách khách quan.

**3.2. Thời gian chuẩn bị bài mỗi tuần.** Khi được hỏi về thời gian mỗi tuần bỏ ra để chuẩn bị cho BTV, duy nhất một SV cho rằng mình bỏ ra hơn 5 giờ mỗi tuần để làm việc này, 6 SV (tương đương 6,7%) dành từ hơn 3-5 giờ; 27,8% làm BTV hết dưới 1 giờ mỗi tuần, đa số (64,4%) dành từ hơn 1-3 giờ mỗi tuần. Có thể thấy rằng, với thời lượng 3 tiết học trên lớp mỗi tuần, việc đa số SV dành 1-3 giờ cho việc TH từ vựng là hợp lí, nếu được thực hiện một cách nghiêm túc sẽ mang lại kết quả cao.

**3.3. Tài liệu được sử dụng để chuẩn bị BTV.** Về các nguồn tài liệu được SV sử dụng để làm BTV, nguồn tài liệu được SV ưa chuộng nhất là công cụ tìm kiếm trên Internet vì tính phổ biến, nhanh chóng và tiện lợi của hình thức này; bên cạnh đó, từ điển giấy là một nguồn được nhiều SV tin cậy. Khoảng 1/3 SV được hỏi có dùng giáo trình đang học; 3 SV cho rằng một nguồn khác chính là mượn của bạn và chép.

**3.4. Chuẩn bị và ôn tập trước và sau giờ lên lớp.** Việc trao đổi với bạn bè là một phần rất quan trọng để đạt được hiệu quả của việc TH, tuy nhiên, 15,5% SV không bao giờ trao đổi phần nội dung này với bạn bè; chỉ có 3 SV (3,33%) luôn luôn trao đổi với bạn mình sau mỗi lần làm BTV. Trong khi đó, 81,17% trong suốt học kì chỉ thỉnh thoảng trao đổi một vài lần với bạn bè.

Bên cạnh việc chuẩn bị trước giờ lên lớp, xem lại bài sau giờ lên lớp là một hình thức ôn tập hiệu quả,

nhưng có đến 26,6% SV không bao giờ ôn lại BTV; 56% SV cho rằng mình chỉ thỉnh thoảng xem lại bài, đặc biệt là trước những giờ kiểm tra. Rất ít SV còn lại thường xuyên và luôn luôn ôn lại những gì đã làm trước đó.

Câu hỏi tiếp theo hỏi về mức độ thường xuyên của việc chuẩn bị BTV trước mỗi giờ lên lớp. Do yêu cầu của GV, gần như tuyệt đối số SV được hỏi làm việc này hàng tuần; tuy nhiên, vẫn có 4% chỉ làm khi GV chuẩn bị chấm và 2% cho rằng 1 học kì chỉ làm duy nhất 1 lần.

**3.5. SV đánh giá về hiệu quả của BTV.** Khi hỏi SV đánh giá hiệu quả của việc chuẩn bị BTV trước khi đến lớp, 44,5% SV cho rằng đây là một việc rất có ích cho việc học; một nửa số SV được hỏi thấy rằng bảng câu hỏi chưa mang hiệu quả cao lắm trong khi 5,5% không thấy được lợi ích gì từ việc này.

Những phân tích từ khảo sát trên cho thấy, toàn bộ SV đã khá quen thuộc với hình thức làm bảng câu hỏi thông qua 2 học phần đã học và nhờ sự hướng dẫn của GV giảng dạy. Không thể phủ nhận những hiệu quả từ việc chuẩn bị BTV mang lại cho người học; tuy nhiên, một bộ phận không nhỏ SV chưa đầu tư thời gian cho việc TH này, đây là một trong những nguyên nhân khiến cho BTV chưa đạt được hiệu quả như mong đợi. Bên cạnh những SV nhận ra được tầm quan trọng của BTV, đầu tư thời gian đầy đủ, thực hiện việc học tập, ôn bài cũng như trao đổi một cách nghiêm túc; áp lực kiểm tra và điểm số vẫn là những yếu tố ảnh hưởng đến SV. Nhiều SV chưa nhận ra được bản chất của việc GV yêu cầu làm BTV, dẫn đến tình trạng đầu tư chưa đủ thời gian, làm cho xong, không trao đổi với bạn bè cũng như không bao giờ xem lại bài mình đã chuẩn bị. Như vậy, chính SV đã và đang lãng phí công sức mình bỏ ra và không thu lại hiệu quả cao. Bên cạnh đó, do chưa thấy được hiệu quả của hình thức TH này, một số ít SV không tận dụng các nguồn tài liệu sẵn có, để tìm để chuẩn bị bài cho mình mà mượn của bạn bè, nhằm mục đích hoàn thành bài vở khi GV kiểm tra.

#### **4. Một số đề xuất sử dụng BTV hiệu quả**

Từ những phân tích trên, chúng tôi xin đưa ra một số đề xuất cho GV và SV nhằm làm cho việc TH thông qua BTV của SV đạt hiệu quả cao hơn. Cụ thể:

**4.1. Định hướng cho GV.** Có thể thấy rằng trong việc TH, GV đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong định hướng SV. Vì vậy, việc đào tạo GV là cần thiết giúp họ có thể hướng dẫn một cách cụ thể, giúp SV đạt được hiệu quả cao. Cần có các buổi họp, hội nghị hay thảo luận quy mô nhỏ để GV cùng nhau rút

kinh nghiệm, chia sẻ những kinh nghiệm hay trong việc nâng cao hiệu quả của việc sử dụng BTV như một công cụ TH của SV.

**4.2. Định hướng cho SV.** Một thành tố quan trọng làm nên tính hiệu quả của BTV xuất phát từ chính bản thân và nhận thức của SV. Do đó, ngoài việc hướng dẫn cách làm, GV cần nhấn mạnh mục đích, tầm quan trọng của BTV trong việc phát triển vốn từ vựng và rèn luyện việc TH cho SV. Cùng với đó, GV cần có thêm những chia sẻ cho SV về những ưu điểm của nó mang lại, nếu cần có thể sử dụng một số mẫu của SV khóa trước làm mà giáo viên cho rằng có đầu tư đủ thời gian, công sức và mang lại hiệu quả cao trong học từ vựng để SV học tập, rút kinh nghiệm cho bản thân.

**4.3. Hướng dẫn SV sử dụng nguồn tài liệu có sẵn.** SV học ngoại ngữ luôn cần tự tìm hiểu các nguồn tài liệu nhằm tự củng cố kiến thức của bản thân. Để SV phát huy được việc này một cách tối ưu, các em cần được GV giới thiệu cách sử dụng các nguồn tài liệu một cách hiệu quả, giúp tạo được hứng thú cho SV thay vì làm một cách chống đối. Chẳng hạn, khi tra từ vựng, đa số SV mới chỉ quan tâm đến việc một từ được dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt là gì; vì vậy, họ chỉ sử dụng từ điển với mục đích tìm một từ tương đương trong tiếng Việt. Vậy, GV cần chỉ ra cho SV thấy được từ điển được sử dụng giúp SV biết được từ loại, cách phát âm của một từ, từ đó được giải thích như thế nào trong tiếng Anh, các từ đồng nghĩa có thể thay thế cho từ đó là gì. Khuyến khích SV tận dụng các nguồn tài liệu sẵn có như từ điển hay sách giáo trình phục vụ cho việc học.

**4.4. Thay đổi hình thức kiểm tra, đánh giá.** GV cần đầu tư thời gian, thay đổi hình thức kiểm tra tránh sự nhàm chán và làm bài một cách miễn cưỡng của SV. Sau 1-2 tuần học, thiết kế một bài tập nhỏ với khoảng 10 câu hỏi để kiểm tra từ vựng trong các bài đã học. Ngoài ra, bằng cách tổ chức các trò chơi, SV có thể giảm bớt áp lực kiểm tra. GV có thể chia SV thành nhóm nhỏ, gồm cả SV năng nổ và những SV chậm hơn, thiếu tự tin hơn. Những SV nhanh nhẹn sẽ đảm nhận trách nhiệm tạo động lực, thúc đẩy các thành viên còn lại.

**4.5. Tạo môi trường học tập tích cực.** Bên cạnh các biện pháp trên, cần tổ chức một buổi sinh hoạt ngoại khóa hay tọa đàm để SV chia sẻ về phương pháp học tập này với quy mô lớp học. Trong buổi sinh hoạt này, SV sẽ được tự do nêu những khó khăn mình gặp phải và cùng nhau giải quyết khó khăn, đồng thời sẽ có những bạn nêu lên kinh nghiệm

hay cách học tập của mình. Bên cạnh đó, GV cũng có thể được nghe những vướng mắc và mong muốn của SV và cùng SV tìm giải pháp nhằm giúp việc dạy học được hoàn thiện hơn, tập trung hướng đến người học nhiều hơn. SV có thể tự tìm bạn bè để ghép nhóm, nhằm mục đích trao đổi bài sau khi đã chuẩn bị, nhờ bạn bè nhận xét để cải thiện điểm yếu, phát huy thế mạnh; đồng thời kiểm tra bài lẫn nhau trước và sau giờ lên lớp.

### 5. Kết luận

Khảo sát được đưa ra với mục đích tìm hiểu những đánh giá của SV về việc sử dụng BTV nhằm nâng cao hiệu quả của việc TH từ vựng. Sau khi đưa ra câu hỏi khảo sát, kết quả cho thấy SV đã rất quen thuộc với hình thức học tập này cũng như đã nhận được sự hướng dẫn đầy đủ từ GV. Phần lớn SV cho rằng BTV là có ích cho việc TH trước và sau giờ lên lớp. Tuy nhiên, vẫn còn một lượng không nhỏ trong số những SV được khảo sát chưa thực sự đầu tư thời gian và công sức một cách nghiêm túc nên bản thân các em chưa thấy được những hiệu quả mà BTV mang lại. Những đề xuất trong bài hi vọng giúp GV và SV có thể vận dụng BTV và đạt được hiệu quả như mong muốn

trong việc dạy và học tiếng Anh cũng như mở rộng vốn từ vựng.

Do hạn chế về thời gian, quy mô khảo sát chỉ mới dừng lại ở 90 SV, vì vậy sẽ những đánh giá nhận xét còn mang tính chủ quan. Để cải thiện, chúng tôi đưa ra gợi ý cho những nghiên cứu tiếp theo với số lượng SV tham gia đông hơn để đánh giá một cách toàn diện hơn. Nếu có thể, cần có thêm những đánh giá của GV để cho kết quả khách quan và thuyết phục hơn. □

### Tài liệu tham khảo

- [1] Holec, H., (1981). *Autonomy and foreign language learning*. Oxford: Pergamon. (First published 1979, Strasbourg: Council of Europe).
- [2] Candy, (1991). *Self-direction for Lifelong Learning*. California: Jossey-Bass.
- [3] Lier, van L., (1996). *Interaction in the Language Curriculum. Awareness, Autonomy and Authenticity*. USA: Longman.
- [4] Wilkins, David A., (1972). *Linguistics in Language Teaching*. Cambridge, MA: MIT Press.
- [5] Lewis, Michael., (1993). *The Lexical Approach*. Hove: Language teaching Publications.
- [6] Mohanty, Archana,D., (2010). *Implementing learner autonomy in Indian language classroom*.

## Suy nghĩ về cách ra đề...

(Tiếp theo trang 44)

**Đề 2:** “Đồng cảm với thân phận của người phụ nữ là biểu hiện rõ nét nhất trong cảm hứng nhân văn của văn học trung đại”, ý kiến của anh (chị) về nhận định này.

**Đề 3:** Ý kiến của Mai Quốc Liên: “Nguyễn Du là một con người suốt đời khắc khoải về con người và lẽ đời” đã giúp anh (chị) hiểu gì về Truyện Kiều của Nguyễn Du?

### 3.3. Học phân Lí luận văn học

**Đề 1:** Anh/chị sẽ giúp học sinh THCS hiểu những gì trong đoạn thơ sau:

*Không có kính không phải vì xe không có kính*

*Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi*

*Ung dung buồng lái ta ngồi,*

*Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.*

(Phạm Tiến Duật, *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*, Ngữ văn 9, tập 1, tr 131).

**Đề 2:** Anh (chị) hãy bình luận về ý kiến của Xuân Diệu: “*Thơ là hiện thực, thơ là cuộc đời, thơ còn là thơ nữa*”.

Như vậy, để tiến hành đổi mới cách ra đề các học phần thuộc chuyên ngành Ngữ văn, chúng ta cần thay đổi quan niệm kiểm tra, đánh giá chất lượng mỗi học phần cho phù hợp với LLDH hiện đại. GV cần nhận thức đúng đắn hơn về vai trò của đề trong quá trình DH để điều chỉnh cách dạy - học của GV và SV, thêm vào đó, cũng cần dựa trên năng lực, khả năng sáng tạo của SV và dựa vào những tiêu chí cơ bản của một đề để tiến hành việc ra đề sao cho đạt hiệu quả cao nhất. □

### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Văn Cường (2014). *Lí luận dạy học hiện đại*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2] Cán Thị Thanh Hương - Vương Thị Phương Thảo (2009). *Đổi mới phương thức tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở Đại học Quốc gia Hà Nội*. Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr 23-36.
- [3] Phan Trọng Luận (chủ biên, 2014). *Phương pháp dạy học Văn* (tập 1, 2). NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [4] Đỗ Ngọc Thống (2005). *Đổi mới hình thức và nội dung kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn*. Tạp chí Dạy & Học ngày nay (9), tr 18-31.
- [5] Bùi Minh Tuấn (1998). *Cảm xúc văn chương và vấn đề dạy văn ở trường phổ thông*. NXB Giáo dục.